

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

Ngày thi: 09-10/9/2023/2023

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Đạt
1	228C68T071	Bùi Thị	Bình	CĐ	KCN	7	5	2,5	8	5,5	
2	228C68T001	Nguyễn Thị	Chát	CĐ	KCN	5	2,5	1,5	8	4,5	
3	228C68T002	Lê Thị	Chín	CĐ	KCN	7	1,5	2,5	8	5	
4	228C68T003	Vi Thị	Công	CĐ	KCN	5	3	3,5	7	4,5	
5	228C68T072	Phạm Thị	Chinh	CĐ	KCN	5	3	2	7	4,5	
6	228C68T004	Hoàng Thị	Diệp	CĐ	KCN	6,5	3,5	2,5	7	5	
7	228C68T005	Phạm Thị	Điều	CĐ	KCN	3	3,5	2,5	9	4,5	
8	228C68T006	Nguyễn Thị	Đông	CĐ	KCN	5	3	0,5	7	4	
9	228C68T007	Nguyễn Thị	Hà	CĐ	KCN	5,5	3,5	2,5	9	5	
10	228C68T008	Trần Thị	Hà	CĐ	KCN	5,5	2	3	8	4,5	
11	228C68T094	Nguyễn Thị	Hà	CĐ	KCN	7	2	3	9	5,5	
12	228C68T073	Lê Thị	Hà	CĐ	KCN	6	5	2	8	5,5	
13	228C68T009	Lê Thị	Hạ	CĐ	KCN	7	3	2,5	9	5,5	
14	228C68T010	Lê Thị	Hải	CĐ	KCN	6	3	2	8	5	
15	228C68T074	Lương Thị	Hằng	CĐ	KCN	7	7	2,5	9	6,5	X
16	228C68T011	Trần Thị	Hiền	CĐ	KCN	6	4	2	8,5	5	
17	228C68T012	Phạm Thị	Hiền	CĐ	KCN	5	3,5	2,5	9	5	
18	228C68T013	Nguyễn Thị	Hiền	CĐ	KCN	7	2	1	9	5	
19	228C68T014	Lương Thị	Hiền	CĐ	KCN	6	3,5	1	8,5	5	
20	228C68T015	Lê Thị	Hiền	CĐ	KCN	8	4	2	7,5	5,5	
21	228C68T016	Dương Thị	Hoa	CĐ	KCN	5	2,5	0,5	7	4	
22	228C68T017	Phạm Thị	Hội	CĐ	KCN	6,5	3	3	8,5	5,5	
23	228C68T018	Nguyễn Thị	Hồng	CĐ	KCN	4,5	4	2	8	4,5	
24	228C68T019	Hà Thị	Hồng	CĐ	KCN	4,5	1,5	2,5	8	4	
25	228C68T020	Lê Thị	Hồng	CĐ	KCN	6,5	4	4	8	5,5	
26	228C68T021	Phan Thị	Huệ	CĐ	KCN	5	1	2,5	8,5	4,5	
27	228C68T022	Lê Thị	Huệ	CĐ	KCN	7,5	4	1	8	5	
28	228C68T023	Nguyễn Thị	Hưng	CĐ	KCN	6,5	3	3,5	9	5,5	
29	228C68T075	Trịnh Thị	Huyền	CĐ	KCN	6	3	2,5	8,5	5	
30	228C68T024	Lê Thị	Khanh	CĐ	KCN	7	3	2	8,5	5	
31	228C68T025	Lê Thị	Kiệm	CĐ	KCN	7	2	2,5	7	4,5	
32	228C68T077	Lê Thị	Khánh	CĐ	KCN	5	2,5	2,5	7	4,5	
33	228C68T026	Nguyễn Thị	Lân	CĐ	KCN	7	2,5	3	6,5	5	
34	228C68T027	Đặng Thị	Len	CĐ	KCN	7	2	1,5	6,5	4,5	
35	228C68T028	Trương Thị	Liều	CĐ	KCN	7	2,5	2,5	7	5	
36	228C68T029	Nguyễn Thị	Loan	CĐ	KCN	6	2,5	5	7	5	
37	228C68T030	Vũ Thị	Loan	CĐ	KCN	7	2,5	3	6,5	5	
38	228C68T031	Bùi Thị	Lương	CĐ	KCN	3,5	3	3	6,5	4	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Đạt
39	228C68T032	Hoàng Thị	Lý	CĐ	KCN	6	2,5	3	7	4,5	
40	228C68T078	Nguyễn Thị	Liên	CĐ	KCN	3	3	2,5	7	4	
41	228C68T079	Lê Thị	Luân	CĐ	KCN	6,5	4	1	7,5	5	
42	228C68T080	Phạm Thị	Lý	CĐ	KCN	3	3,5	1,5	7	4	
43	228C68T033	Nguyễn Thị	Mai	CĐ	KCN	6,5	2	2,5	7	4,5	
44	228C68T034	Phạm Thị	Minh	CĐ	KCN	5,5	3,5	4	7	5	
45	228C68T081	Cao Thị	Mi	CĐ	KCN	6,5	3	2,5	8	5	
46	228C68D001	Lê Thị	Nụ	CĐ	KCN	6,5	3,5	4	7,5	5,5	
47	228C68T035	Lê Thị	Nga	CĐ	KCN	3,5	3	3	6,5	4	
48	228C68T085	Lê Thị	Nga	CĐ	KCN	6,5	3	3,5	6,5	5	
49	228C68T036	Bùi Thị	Nga	CĐ	KCN	5	1,5	2,5	7	4	
50	228C68T083	Đậu Hằng	Nga	CĐ	KCN	5,5	6,5	3	8	6	
51	228C68T037	Hà Thị	Ngân	CĐ	KCN	5,5	3	3	7	4,5	
52	228C68T038	Nguyễn Thị	Nhàn	CĐ	KCN	4,5	2	3	7,5	4,5	
53	228C68T039	Nguyễn Thị	Như	CĐ	KCN	5,5	2,5	4	8	5	
54	228C68T040	Vi Thị	Nhung	CĐ	KCN	6	3,5	1,5	6,5	4,5	
55	228C68T086	Trịnh Thị	Nhung	CĐ	KCN	5,5	2,5	3	8	5	
56	228C68T041	Cầm Thị	Nội	CĐ	KCN	6	2,5	3,5	7	5	
57	228C68T082	Mai Phương	Niên	CĐ	KCN	6,5	2	4	7,5	5	
58	228C68T043	Lê Thị	Oanh	CĐ	KCN	5,5	3	3	7	4,5	
59	228C68T044	Đỗ Thị	Oanh	CĐ	KCN	5	2,5	2,5	7,5	4,5	
60	228C68T045	Lê Thị	Phú	CĐ	KCN	6,5	3	3	7,5	5	
61	228C68T046	Lương Thị	Phương	CĐ	KCN	6,5	2,5	2,5	7	4,5	
62	228C68T087	Bùi Thị	Phượng	CĐ	KCN	5	3	3	7	4,5	
63	228C68T088	Phùng Thị	Phượng	CĐ	KCN	6,5	4	1	7	4,5	
64	228C68T047	Ninh Thị	Quyển	CĐ	KCN	7,5	4	3	7	5,5	
65	228C68T089	Đỗ Thị	Quế	CĐ	KCN	5	3	2,5	7	4,5	
66	228C68T067	Lê Thị	Sen	CĐ	KCN	5	3	2,5	7	4,5	
67	228C68C001	Nguyễn Thị	Sinh	CĐ	KCN	7,5	2	2	8	5	
68	228C68T048	Nguyễn Thị	Tam	CĐ	KCN	5	3	2,5	6,5	4,5	
69	228C68T068	Nguyễn Thị	Tám	CĐ	KCN	7	4	1,5	7,5	5	
70	228C68T050	Nguyễn Thị	Thắm	CĐ	KCN	5,5	3	2	7	4,5	
71	228C68T051	Trịnh Thị	Thanh	CĐ	KCN	7	3	1	7	4,5	
72	228C68T049	Vũ Thị	Tần	CĐ	KCN	5	2	4	7	4,5	
73	228C68T090	Vũ Thị	Thắng	CĐ	KCN	6,5	3,5	2,5	7,5	5	
74	228C68T070	Đặng Thị	Thiệp	CĐ	KCN	5	2,5	2,5	7	4,5	
75	228C68T052	Hoàng Thị	Thu	CĐ	KCN	5,5	4	3	7	5	
76	228C68T093	Hà Thị	Thu	CĐ	KCN	7	5,5	1,5	7,5	5,5	
77	228C68T053	Lê Thị	Thược	CĐ	KCN	7	3	2,5	7	5	
78	228C68T054	Hoàng Thị Xuân	Thủy	CĐ	KCN	5	3,5	4	7	5	
79	228C68T055	Cao Thị	Tình	CĐ	KCN	5	1	2,5	7	4	
80	228C68T056	Lò Thị	Toan	CĐ	KCN	5	4	1,5	7,5	4,5	
81	228C68T057	Ngô Thị	Tuyền	CĐ	KCN	7	3,5	3	7	5	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Đạt
82	228C68T058	Hà Thị	Tuyết	CĐ	KCN	6,5	3	2,5	7	5	
83	228C68T069	Trần Thị	Tuyến	CĐ	KCN	7,5	2,5	5,5	7	5,5	
84	228C68T091	Vũ Thị	Thi	CĐ	KCN	8	3	3	7	5,5	
85	228C68T092	Lê Thị	Thoa	CĐ	KCN	5,5	3	3	7,5	5	
86	228C68T095	Hoàng Thị	Uyên	CĐ	KCN	8	3	3,5	8	5,5	
87	228C68T059	Bùi Thị	Vân	CĐ	KCN	6	4	3	7	5	
88	228C68T060	Lê Thị	Vân	CĐ	KCN	6	3	2	7	4,5	
89	228C68T061	Nguyễn Thị	Vân	CĐ	KCN	6	4	3,5	7	5	
90	228C68T062	Lang Thị	Xoan	CĐ	KCN	5	5	1	7	4,5	
91	228C68T063	Hà Thị	Xoạn	CĐ	KCN	5	4	2,5	7	4,5	
92	228C68T064	Nguyễn Thị	Xuân	CĐ	KCN	7,5	4	3	7	5,5	
93	228C68T065	Lương Thị	Yên	CĐ	KCN	5	2	1	7	4	
94	228C68T066	Hà Thị Hải	Yến	CĐ	KCN	7,5	4	1	7	5	
95	227901T311	Lưu Thị Thúy	An	ĐH	KCN	7	3,5	1,5	6,5	4,5	X
96	227401C300	Vũ Thị Thuý	An	ĐH	KCN	8	4	4,5	5,5	5,5	X
97	217302D600	Ngô Xuân	Anh	ĐH	KCN	6,5	8	6,5	6	7	X
98	217302C600	Lê Đức	Anh	ĐH	KCN	7	8	6,5	4,5	6,5	X
99	227203C300	Nguyễn Đức	Anh	ĐH	KCN	6	6	2,5	4,5	5	X
100	227203C503	Lê Công	Anh	ĐH	KCN	6,5	7	2	4,5	5	X
101	227203C500	Nguyễn Hoàng	Anh	ĐH	KCN	3	7	1,5	4,5	4	X
102	227107D315	Nguyễn Thế	Anh	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
103	218901C600	Lê Thị	Anh	ĐH	KCN	6,5	6	1,5	6	5	X
104	218901T600	Hoàng Vân	Anh	ĐH	KCN	6,5	7	4,5	6	6	X
105	218901D800	Vũ Thị Kim	Anh	ĐH	KCN	7,5	5	2	5	5	X
106	228801D500	Nguyễn Thị Lan	Anh	ĐH	KCN	5,5	5	3	6	5	X
107	228801D502	Phạm Thị	Anh	ĐH	KCN	7	4,5	2,5	5	5	X
108	228801D501	Vũ Thị Phương	Anh	ĐH	KCN	5	6,5	4	5,5	5,5	X
109	227901C300	Vũ Thị Mai	Anh	ĐH	KCN	8	7,5	4,5	7	7	X
110	228901D500	Nguyễn Thị	Anh	ĐH	KCN	7	2	2	6,5	4,5	X
111	228901T500	Trịnh Thị Vân	Anh	ĐH	KCN	7	5	3,5	6	5,5	X
112	227401D300	Phan Thị	Anh	ĐH	KCN	8	6	3,5	5,5	6	X
113	228401T500	Vũ Ngọc	Anh	ĐH	KCN	8	6,5	3	6	6	X
114	227900C300	Lương Thị Vân	Anh	ĐH	KCN	7,5	4	2	6,5	5	X
115	227900D300	Nguyễn Hải	Anh	ĐH	KCN	7	4,5	3,5	6,5	5,5	X
116	218900D803	Đào Linh	Anh	ĐH	KCN	7,5	4	2,5	5	5	X
117	218901T800	Khúc Thị	Ánh	ĐH	KCN	7,5	8,5	6,5	8	7,5	X
118	228901C535	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	ĐH	KCN	8	2,5	2,5	6	5	X
119	227401D308	Phạm Thị Ngọc	Ánh	ĐH	KCN	8	4	2	6,5	5	X
120	227107C300	Hoàng Đình	Bảo	ĐH	KCN	6	6	2,5	5	5	X
121	227900D302	Nguyễn Hồng	Bến	ĐH	KCN	8	3,5	2	5,5	5	X
122	227900C301	Hà Thị	Bích	ĐH	KCN	7,5	2	1,5	5	4	X
123	227401T303	Lê Huy	Biên	ĐH	KCN	8	3,5	3,5	6,5	5,5	X
124	218103C600	Hoàng Văn	Bình	ĐH	KCN	6,5	7,5	1,5	3,5	5	X
125	228901C500	Hà Thị	Buổi	ĐH	KCN	7	4	3	6,5	5	X

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Đạt
126	218901D600	Phạm Thị	Cảnh	ĐH	KCN	7,5	6,5	2	6	5,5	X
127	228401T508	Chu Thị	Cẩm	ĐH	KCN	8	4,5	4	6	5,5	X
128	207801D705	Mai Văn	Cường	ĐH	KCN	5	7	2	5	5	X
129	227900D303	Nguyễn Thị	Chải	ĐH	KCN	7,5	2,5	2	6	4,5	X
130	227900C302	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	ĐH	KCN	8	4,5	5	6,5	6	X
131	227203D300	Nguyễn Văn	Chinh	ĐH	KCN	6,5	7	2	4,5	5	X
132	227203C302	Hồ Hữu	Chính	ĐH	KCN	6	8	3,5	4,5	5,5	X
133	227107D300	Lê Quốc	Chung	ĐH	KCN	6	6	2	4,5	4,5	X
134	218401C800	Lê Trần	Chung	ĐH	KCN	7,5	2,5	1,5	5	4	X
135	228401C517	Lê Thị	Chuyên	ĐH	KCN	7	4,5	3	6	5	X
136	227900C303	Nguyễn Thị	Chuyên	ĐH	KCN	7,5	3,5	3,5	5	5	X
137	227107C501	Nguyễn Hữu	Chương	ĐH	KCN	7	6,5	3	5	5,5	X
138	228901C501	Cao Thị	Doanh	ĐH	KCN	8	5	5	6	6	X
139	227401C301	Trịnh Thị	Dung	ĐH	KCN	7	4,5	5	5	5,5	X
140	228401T502	Đặng Thị	Dung	ĐH	KCN	8	6	2,5	6	5,5	X
141	227900C304	Lê Ngân	Dung	ĐH	KCN	8,5	7	6	4,5	6,5	X
142	197900C662	Nguyễn Thị	Dung	ĐH	KCN	8	2,5	3,5	6,5	5	X
143	227203C303	Lê Hữu	Dũng	ĐH	KCN	6,5	9	4,5	6	6,5	X
144	218801P501	Đinh Tiến	Dũng	ĐH	KCN	2	1	1	4	2	
145	217801T501	Nguyễn Sỹ	Dũng	ĐH	KCN	4,5	1	2,5	5	3,5	
146	227401C325	Lê Anh	Dũng	ĐH	KCN	6,5	3	0,5	8,5	4,5	X
147	218402D800	Lê Anh	Dũng	ĐH	KCN	7	4,5	3	5	5	X
148	227900D305	Bùi Văn	Dũng	ĐH	KCN	7	3	2,5	6	4,5	X
149	227900D306	Nguyễn Thị	Dũng	ĐH	KCN	7	5,5	3	6	5,5	X
150	227900D307	Hà An	Duy	ĐH	KCN	6,5	5	3,5	6	5,5	X
151	228801C500	Nguyễn Thị	Duyên	ĐH	KCN	5,5	5,5	1,5	5,5	4,5	X
152	227900C305	Đỗ Thị	Duyên	ĐH	KCN	8	4	1,5	5,5	5	X
153	217302T601	Nguyễn Văn	Dương	ĐH	KCN	7	5	4	5,5	5,5	X
154	227900D310	Lương Thị	Đào	ĐH	KCN	7	3	2,5	5,5	4,5	X
155	227203D301	Phạm Quốc	Đạt	ĐH	KCN	5,5	7	4,5	7	6	X
156	227107C301	Lê Thành	Đạt	ĐH	KCN	6	6,5	2,5	5	5	X
157	227203C305	Mai Văn	Đề	ĐH	KCN	5,5	7,5	3,5	5	5,5	X
158	227900D311	Lê Thị	Diệp	ĐH	KCN	7	5	2,5	6	5	X
159	217305D601	Lê Việt	Đông	ĐH	KCN	6,5	7	7,5	3,5	6	X
160	227107D303	Nguyễn Trọng	Đông	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
161	227900C306	Lê Mạnh	Đức	ĐH	KCN	7	1,5	3,5	5,5	4,5	X
162	218901T604	Lê Thị	Gái	ĐH	KCN	7	7	2,5	5	5,5	X
163	218901C601	Lê Thị	Giang	ĐH	KCN	7,5	6	3	6	5,5	X
164	228801D505	Nguyễn Thị	Giang	ĐH	KCN	7	4,5	2	6	5	X
165	227401D301	Đồng Thị Hương	Giang	ĐH	KCN	8	6,5	3,5	5	6	X
166	227401D309	Lê Hương	Giang	ĐH	KCN	7,5	5	5	6	6	X
167	209402V001	Phan Văn	Giang	ĐH	KCN	6,5	5	3,5	6	5,5	X
168	227900D386	Nguyễn Trường	Giang	ĐH	KCN	6,5	5	3	6,5	5,5	X
169	227900D313	Lương Thị	Giang	ĐH	KCN	7,5	6,5	3	7	6	X

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Đạt
170	228602C001	Nguyễn Văn	Giao	ĐH	KCN	6,5	8	4,5	4	6	X
171	228801D506	Lê Thị	Hà	ĐH	KCN	6,5	2,5	4,5	5,5	5	X
172	227901T300	Hoàng Thu	Hà	ĐH	KCN	8	4	5	7	6	X
173	228901C505	Lê Thị	Hà	ĐH	KCN	8	3,5	3	5,5	5	X
174	228901C506	Vũ Thị Thu	Hà	ĐH	KCN	8	5	2,5	7	5,5	X
175	228901C538	Trần Thị Thu	Hà	ĐH	KCN	6,5	3	3,5	5,5	4,5	X
176	227401C326	Lê Thị Thu	Hà	ĐH	KCN	7,5	5,5	4	6	6	X
177	227401C303	Trần Thị	Hà	ĐH	KCN	6,5	3,5	3,5	5,5	5	X
178	218401D812	Nguyễn Thị	Hà	ĐH	KCN	8	5,5	5	5,5	6	X
179	227900D314	Lê Thị	Hà	ĐH	KCN	7,5	1,5	3	5,5	4,5	X
180	227900D315	Phạm Thị	Hà	ĐH	KCN	6,5	3	2,5	6,5	4,5	X
181	218901T802	Trịnh Thị	Hạ	ĐH	KCN	7,5	7	1,5	6	5,5	X
182	187103C502	Nguyễn Văn	Hải	ĐH	KCN	8	3,5	7	4,5	6	X
183	217308T602	Đào Văn	Hải	ĐH	KCN	7	7,5	6,5	4,5	6,5	X
184	227203C306	Trịnh Xuân	Hải	ĐH	KCN	6	7	2	5	5	X
185	218603C001	Trần Thị	Hải	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
186	228801D539	Đỗ Thị	Hải	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
187	228401C505	Lê Hữu	Hải	ĐH	KCN	8	3,5	3,5	6	5,5	X
188	228401C504	Nguyễn Thị	Hải	ĐH	KCN	8	3	6	6,5	6	X
189	228901C532	Lê Thị	Hạnh	ĐH	KCN	7	3,5	3	6	5	X
190	227900D317	Trần Thị	Hạnh	ĐH	KCN	8	3	2,5	5,5	5	X
191	227900D316	Nguyễn Thị	Hạnh	ĐH	KCN	7	3	2,5	5,5	4,5	X
192	228602C002	Bùi Thị	Hào	ĐH	KCN	6,5	7,5	7	3,5	6	X
193	228901C526	Lê Thị	Hào	ĐH	KCN	7,5	5	3,5	6	5,5	X
194	228801D509	Nguyễn Thị	Hằng	ĐH	KCN	8	3,5	1,5	5,5	4,5	X
195	228901C507	Nguyễn Thị Thu	Hằng	ĐH	KCN	7	6	3	6	5,5	X
196	228901C508	Nguyễn Thị	Hằng	ĐH	KCN	8	3	3,5	6	5	X
197	227900C307	Đỗ Thị	Hằng	ĐH	KCN	7,5	5	6,5	4	6	X
198	227900C308	Ngô Thị	Hằng	ĐH	KCN	8	3,5	4	6,5	5,5	X
199	228603C500	Nguyễn Thị	Hậu	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
200	227901D300	Hà Thị	Hậu	ĐH	KCN	8	3,5	3	6	5	X
201	228401C506	Trần Thị	Hiền	ĐH	KCN	7,5	5,5	4,5	6	6	X
202	227900D318	Vũ Thị	Hiền	ĐH	KCN	7,5	3,5	2,5	5,5	5	X
203	227900D320	Lê Thị	Hiền	ĐH	KCN	7,5	2	2	6	4,5	X
204	227900D319	Trịnh Thị	Hiền	ĐH	KCN	7	1	2,5	7	4,5	X
205	228901C509	Phạm Thị	Hiệp	ĐH	KCN	7	3,5	3	6	5	X
206	227203C307	Nguyễn Trung	Hiếu	ĐH	KCN	6	6	3	4,5	5	X
207	227900C309	Nguyễn Thị	Hiếu	ĐH	KCN	7	3	2,5	6	4,5	X
208	228401D514	Nguyễn Vũ	Hiệu	ĐH	KCN	8	6,5	3	6,5	6	X
209	228801D511	Nguyễn Phương	Hoa	ĐH	KCN	5	2,5	2,5	5	4	X
210	228901C534	Lê Thị	Hoa	ĐH	KCN	7,5	3,5	2	7	5	X
211	227401C305	Đoàn lê	Hoa	ĐH	KCN	6,5	5,5	3,5	4,5	5	X
212	228603C001	Lê Văn	Hòa	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
213	227900D322	Nguyễn Thị	Hòa	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Đạt
214	227900D323	Bùi Thị	Hòa	ĐH	KCN	7	2,5	3	6	4,5	X
215	227401C306	Nguyễn Ngọc	Hoàn	ĐH	KCN	2,5	5	3	6	4	X
216	227901C303	Bùi Thị	Hồng	ĐH	KCN	7	3,5	4,5	6	5,5	X
217	228901C530	Lê Thị	Hồng	ĐH	KCN	8	2	2,5	6	4,5	X
218	227900D324	Hà Thị	Hồng	ĐH	KCN	7,5	6,5	3,5	7,5	6,5	X
219	227900D387	Đỗ Thị	Hồng	ĐH	KCN	7,5	3,5	2,5	5,5	5	X
220	218401C801	Lê Tuyển	Huân	ĐH	KCN	6,5	2,5	2,5	7	4,5	X
221	227900D326	Nguyễn Thị	Huệ	ĐH	KCN	7	3,5	5	6	5,5	X
222	227203C308	Lê Văn	Hùng	ĐH	KCN	5,5	7,5	3,5	5	5,5	X
223	227107D500	Nguyễn Xuân	Hùng	ĐH	KCN	6	6	3	5	5	X
224	228801D512	Trịnh Văn	Hùng	ĐH	KCN	6,5	6	2,5	5	5	X
225	228901C536	Lê Thị	Hùng	ĐH	KCN	6,5	6	5	3,5	5,5	X
226	227107D501	Lê Đức	Huy	ĐH	KCN	6	7	4,5	6	6	X
227	217801D512	Nguyễn Hữu	Huy	ĐH	KCN	5	5,5	2	4	4	X
228	228801D513	Lê Tài	Huy	ĐH	KCN	1	4	4	5	3,5	
229	228801D514	Nguyễn Khắc	Huy	ĐH	KCN	6,5	5	5	6	5,5	X
230	228801D515	Lê Thanh	Huyền	ĐH	KCN	6,5	5,5	3,5	5,5	5,5	X
231	218901C806	Lê Khánh	Huyền	ĐH	KCN	7	6	3	6	5,5	X
232	227900C311	Ngân Thị Thu	Huyền	ĐH	KCN	7,5	2,5	3	5,5	4,5	X
233	227900D327	Trần Thị	Huyền	ĐH	KCN	7	3	3,5	5	4,5	X
234	217305C600	Nguyễn Thị	Hương	ĐH	KCN	7,5	7	7	4	6,5	X
235	228603C002	Vũ Thị	Hương	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
236	227901C304	Nguyễn Thị	Hương	ĐH	KCN	7	7,5	3,5	7	6,5	X
237	228401C507	Nguyễn Thị	Hương	ĐH	KCN	7,5	5	5,5	6,5	6	X
238	227900D329	Lê Thị	Hương	ĐH	KCN	7	2	4	6,5	5	X
239	228401C508	Vũ Thị	Hường	ĐH	KCN	7,5	5	1,5	7	5,5	X
240	227900D330	Nguyễn Thị	Hường	ĐH	KCN	7	3	3,5	6,5	5	X
241	217308T603	Trần Khả	Kiên	ĐH	KCN	7	7	7,5	4,5	6,5	X
242	227203C505	Nguyễn Đình	Khánh	ĐH	KCN	6	6	3	4,5	5	X
243	228901C513	Lê Thị Vinh	Khánh	ĐH	KCN	8	8	7	5,5	7	X
244	227203D303	Phạm Hữu	Khoa	ĐH	KCN	6	6,5	5,5	5,5	6	X
245	218603C002	Tại Thị	Khuyên	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
246	218901T608	Hoàng Thị Ngọc	Lan	ĐH	KCN	7,5	8	4,5	7,5	7	X
247	218901T805	Trần Thị	Lan	ĐH	KCN	6,5	7,5	3	5,5	5,5	X
248	217801D513	Trần Thị	Lan	ĐH	KCN	5	4,5	2,5	6	4,5	X
249	227900D331	Nguyễn Thị	Lan	ĐH	KCN	7	3,5	4,5	5,5	5	X
250	228801D517	Nguyễn Tùng	Lâm	ĐH	KCN	6,5	5,5	4,5	5	5,5	X
251	227900C314	Ngô Thị	Lê	ĐH	KCN	7,5	4	2	6	5	X
252	228901C514	Lê Thị	Lệ	ĐH	KCN	7	2,5	1,5	7,5	4,5	X
253	227107D502	Đậu Văn	Liên	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
254	228901C515	Lê Thị	Liên	ĐH	KCN	8	3,5	3	7	5,5	X
255	228401D506	Đinh Trà	Liên	ĐH	KCN	8	7,5	5	7	7	X
256	228401C509	Nguyễn Trần Hoà	Liên	ĐH	KCN	8	5,5	6,5	7,5	7	X
257	227900D333	Phạm Thị	Liên	ĐH	KCN	8,5	5	5	7,5	6,5	X

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Bậc học	Đổi tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Đạt
258	227900D334	Cao Thị	Liên	ĐH	KCN	8	6	6,5	6	6,5	X
259	218901C801	Nguyễn Thị Diệu	Linh	ĐH	KCN	7,5	7,5	2,5	6,5	6	X
260	228901C518	Khương Thị Mai	Linh	ĐH	KCN	7	4,5	3	6,5	5,5	X
261	227401T300	Đỗ Võ Khánh	Linh	ĐH	KCN	6,5	5	3	6	5	X
262	218401D607	Nguyễn Thị Khánh	Linh	ĐH	KCN	8	3	3,5	6	5	X
263	218401C610	Lê Thị Hà	Linh	ĐH	KCN	8	4	3,5	6,5	5,5	X
264	227900C316	Lê Thị Hiền	Linh	ĐH	KCN	7,5	6	5	4,5	6	X
265	227900D335	Bùi Thị Thùy	Linh	ĐH	KCN	8	5,5	5	7	6,5	X
266	227900D336	Lê Thị Mai	Linh	ĐH	KCN	7	4,5	4	5	5	X
267	227900D388	Đỗ Thị	Linh	ĐH	KCN	8	2	2,5	5	4,5	X
268	227901T304	Đỗ Thị	Loan	ĐH	KCN	8	3,5	2,5	6	5	X
269	218401D806	Mạch Thị	Loan	ĐH	KCN	8	5	5,5	7	6,5	X
270	217302C601	Phạm Thanh	Long	ĐH	KCN	6,5	4,5	2,5	3,5	4,5	X
271	217305T602	Hồ Văn	Long	ĐH	KCN	6,5	8	7	3,5	6,5	X
272	227107D304	Hoàng Văn	Long	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
273	217302C602	Nguyễn Bá	Lực	ĐH	KCN	6,5	8,5	7	6	7	X
274	217305C601	Bùi Văn	Lực	ĐH	KCN	7,5	7,5	6	4	6,5	X
275	227107D503	Trần Văn	Lượng	ĐH	KCN	5,5	6	3,5	6	5,5	X
276	228603C501	Mai Thị	Ly	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
277	228801D518	Lê Phương	Ly	ĐH	KCN	7	3,5	3	5	4,5	X
278	228901C519	Nguyễn Thị Khánh	Ly	ĐH	KCN	7	2	3,5	6,5	5	X
279	217308T604	Phạm Văn	Lý	ĐH	KCN	6,5	7	7	4	6	X
280	227401C309	Nguyễn Thị	Lý	ĐH	KCN	6,5	3	2,5	6	4,5	X
281	227203C507	Trần Thị	Mai	ĐH	KCN	6,5	7	2,5	4,5	5	X
282	228603C502	Trần Thị	Mai	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
283	228801D519	Đinh Thị Ngọc	Mai	ĐH	KCN	7	3,5	3,5	5	5	X
284	228901C520	Lê Thị	Mai	ĐH	KCN	8	3	1,5	6	4,5	X
285	227401T301	Nguyễn Thị	Mai	ĐH	KCN	6,5	2	1,5	6,5	4	X
286	227900D339	Phạm Thị	Mai	ĐH	KCN	7	2,5	2,5	6	4,5	X
287	227900D338	Trần Thị	Mai	ĐH	KCN	7,5	4,5	4,5	6,5	6	X
288	227900D340	Trần Thị Tuyết	Mai	ĐH	KCN	8,5	7,5	3	8	7	X
289	217308T605	Đỗ Trung	Mạnh	ĐH	KCN	6	8	7	5	6,5	X
290	217305C602	Lê Huy Đăng	Mạnh	ĐH	KCN	8	8,5	5,5	4	6,5	X
291	228801C501	Lê Sỹ	Mến	ĐH	KCN	3	0,5	2,5	5	3	
292	228901C521	Lê Thị Trà	Mi	ĐH	KCN	8	3,5	3	5,5	5	X
293	227203C311	Nguyễn Xuân	Minh	ĐH	KCN	6	7,5	4,5	4,5	5,5	X
294	227901C306	Nguyễn Thị	Minh	ĐH	KCN	8	3,5	3,5	6	5,5	X
295	228401C510	Nguyễn Viết	Minh	ĐH	KCN	7	4,5	1,5	6,5	5	X
296	227900D341	Lê Thị	Minh	ĐH	KCN	6,5	2,5	3	5,5	4,5	X
297	218901T609	Vi Thị	Mơ	ĐH	KCN	7,5	7	3	6	6	X
298	227900T300	Lê Thị	Mơ	ĐH	KCN	7,5	2	2	5,5	4,5	X
299	227901C307	Phạm Thị	Na	ĐH	KCN	7	3	2,5	6	4,5	X
300	227107D504	Trần Hoài	Nam	ĐH	KCN	7,5	6,5	2	6,5	5,5	X
301	227107D505	Hoàng Thế	Năm	ĐH	KCN	7,5	7	2,5	6	6	X

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Đạt
302	227900D342	Nguyễn Thị	Nê	ĐH	KCN	7,5	5,5	3,5	6	5,5	X
303	228401C519	Phạm Thị	Nương	ĐH	KCN	8	4	3	7	5,5	X
304	228602C003	Nguyễn Thị	Nga	ĐH	KCN	5,5	6,5	5,5	3,5	5,5	X
305	217901T519	Ngô Thị	Nga	ĐH	KCN	7	7,5	2,5	6,5	6	X
306	218901D802	Chu Thị	Nga	ĐH	KCN	6,5	7,5	2,5	7	6	X
307	227901C309	Nguyễn Thị	Nga	ĐH	KCN	7	5,5	2,5	5,5	5	X
308	227900C318	Nguyễn Phương	Nga	ĐH	KCN	8	7,5	7	5	7	X
309	227900T301	Phạm Quỳnh	Nga	ĐH	KCN	7,5	2,5	4,5	5,5	5	X
310	227900D394	Lê Thị	Nga	ĐH	KCN	8,5	4,5	2,5	5	5	X
311	227900D343	Vũ Thị	Nga	ĐH	KCN	7,5	5	6,5	8	7	X
312	227900D393	Phạm Thị Quỳnh	Nga	ĐH	KCN	7,5	7	5,5	6	6,5	X
313	228401C513	Hồ Thị	Ngà	ĐH	KCN	8	5	3	7	6	X
314	227900D345	Hà Thị	Ngân	ĐH	KCN	8	5	3	5,5	5,5	X
315	227901T306	Lê Thảo	Ngoan	ĐH	KCN	7	5	2	6,5	5	X
316	228901T504	Hoàng Thị	Ngọc	ĐH	KCN	7,5	6	2,5	7	6	X
317	218401C803	Vũ Thị	Ngọc	ĐH	KCN	8	4	3	5	5	X
318	227900D346	Bách Thị	Ngọc	ĐH	KCN	6,5	4	1,5	5,5	4,5	X
319	227900D348	Trịnh Thị	Ngọc	ĐH	KCN	6,5	6	3	6	5,5	X
320	227900D347	Nguyễn Thị	Ngọc	ĐH	KCN	8	5	3,5	7	6	X
321	217901D503	Nguyễn Thị	Nguyệt	ĐH	KCN	7	5	5,5	6	6	X
322	227900D349	Ngô Thị	Nguyệt	ĐH	KCN	7	4	2,5	5,5	5	X
323	218901C802	Lê Thị	Nhân	ĐH	KCN	6,5	6,5	2,5	5,5	5,5	X
324	227900D350	Trương Thị	Nhân	ĐH	KCN	8	4	0,5	6,5	5	X
325	227203C501	Lê Thị	Nhung	ĐH	KCN	7	6,5	3	4,5	5,5	X
326	228901C541	Đỗ Hồng	Nhung	ĐH	KCN	6,5	3,5	2,5	3	4	X
327	227900C319	Kiều Thị Hồng	Nhung	ĐH	KCN	7,5	4,5	4,5	5,5	5,5	X
328	227401C312	Cao Thị Yến	Như	ĐH	KCN	6,5	3,5	3	5,5	4,5	X
329	228401T503	Nguyễn Thị	Oanh	ĐH	KCN	7	7	3	5	5,5	X
330	228801D520	Chung Tiến	Phát	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
331	227203T310	Hoàng Thanh	Phong	ĐH	KCN	6	7	4,5	4,5	5,5	X
332	218401C804	Hà Thanh	Phong	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
333	217801T505	Lê Thị Kim	Phụng	ĐH	KCN	5,5	2,5	4,5	5,5	4,5	X
334	227203D304	Hoàng Thị Bích	Phương	ĐH	KCN	6,5	8	3,5	6	6	X
335	228901C537	Đào Thị	Phương	ĐH	KCN	8	4,5	4,5	5,5	5,5	X
336	227401C313	Nguyễn Thu	Phương	ĐH	KCN	6,5	3	2,5	5	4,5	X
337	218401C805	Ngô Thị Lan	Phương	ĐH	KCN	8	5,5	1	5	5	X
338	228401D509	Lê Thị	Phương	ĐH	KCN	7,5	7,5	5	5	6,5	X
339	227900D355	Nguyễn Thị	Phương	ĐH	KCN	6,5	3,5	2,5	6,5	5	X
340	227900D357	Viên Thị	Phương	ĐH	KCN	8	4	2	5	5	X
341	227107D307	Nguyễn Văn	Phượng	ĐH	KCN	6	6,5	2,5	6	5,5	X
342	218901C803	Đỗ Thị	Phượng	ĐH	KCN	6,5	6	2	5,5	5	X
343	228401T504	Nguyễn Thị	Phượng	ĐH	KCN	8	4	3	4	5	X
344	207801T503	Cao Văn	Quang	ĐH	KCN	6	4	5	5,5	5	X
345	228401C514	Quách Quang	Quý	ĐH	KCN	7	4,5	5	6,5	6	X

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Đạt
346	227900T302	Hoàng Ngọc	Quý	ĐH	KCN	7	6,5	2,5	6	5,5	X
347	227900D358	Lê Văn Hồng	Quý	ĐH	KCN	7,5	7	3,5	6	6	X
348	227901C311	Bùi Thị	Quyên	ĐH	KCN	7	2,5	2	7	4,5	X
349	228901C522	Phạm Thị	Quyên	ĐH	KCN	7	3	2	7,5	5	X
350	227900D359	Lê Thị	Quyên	ĐH	KCN	8	6,5	3,5	6	6	X
351	228801D537	Nguyễn Đức	Quyên	ĐH	KCN	5	3,5	2,5	5	4	X
352	228801D522	Nguyễn Ngọc	Quyên	ĐH	KCN	6,5	2	2,5	5,5	4	X
353	218901C804	Vũ Thị	Quỳnh	ĐH	KCN	6	3	3	5	4,5	X
354	227401D306	Nguyễn Hữu	Quỳnh	ĐH	KCN	4,5	3,5	3	4	4	X
355	227401C314	Nguyễn Thị	Quỳnh	ĐH	KCN	7,5	2,5	3	4,5	4,5	X
356	227900D361	Tổng Thị	Quỳnh	ĐH	KCN	8	4,5	3,5	7	6	X
357	227900D360	Phạm Thị	Quỳnh	ĐH	KCN	7,5	4	4,5	6,5	5,5	X
358	227900D362	Đặng Thị	Sen	ĐH	KCN	8	4,5	2,5	4,5	5	X
359	228602C004	Lê Trường	Son	ĐH	KCN	6	4,5	8,5	4	6	X
360	217801C601	Vũ Ngọc	Son	ĐH	KCN	4	5,5	2,5	5	4,5	X
361	227900D363	Nguyễn Anh	Son	ĐH	KCN	7,5	3,5	3	5,5	5	X
362	227901D301	Nguyễn Thị	Tặng	ĐH	KCN	8	4,5	3,5	6,5	5,5	X
363	227107D314	Lê Thế	Tấn	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
364	228801D524	Nguyễn Quang	Tấn	ĐH	KCN	5	7	7,5	6	6,5	X
365	227203C312	Nguyễn Ngọc	Tiến	ĐH	KCN	6,5	8	3,5	5	6	X
366	227107D508	Ngô Xuân	Tiến	ĐH	KCN	7,5	7,5	3,5	5	6	X
367	228901D502	Vũ Thị	Tinh	ĐH	KCN	8	3,5	3	4,5	5	X
368	227107C503	Hoàng Tiến	Tới	ĐH	KCN	6,5	6,5	3,5	5	5,5	X
369	227107D308	Nguyễn Văn	Tú	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
370	227203D306	Bùi Xuân	Tuân	ĐH	KCN	6	8	2,5	5	5,5	X
371	227801D343	Nguyễn Anh	Tuân	ĐH	KCN	4,5	5,5	3	6,5	5	X
372	227203T501	Hoàng Thanh	Tuấn	ĐH	KCN	5,5	9,5	4,5	7	6,5	X
373	218107D805	Nguyễn Ngọc	Tuấn	ĐH	KCN	6	7	6	5,5	6	X
374	227107D309	Hà Hữu	Tuấn	ĐH	KCN	6	6,5	3,5	5,5	5,5	X
375	217308C603	Quách Văn	Tùng	ĐH	KCN	7,5	8	7,5	5	7	X
376	217308T608	Phạm Văn	Tùng	ĐH	KCN	7	5	2,5	5,5	5	X
377	228801C502	Đậu Thanh	Tùng	ĐH	KCN	5	3	2	5,5	4	X
378	228801D525	Phạm Mạnh	Tùng	ĐH	KCN	4,5	3	3,5	5,5	4	X
379	227107D310	Đỗ Ngọc	Tuyên	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
380	228602C006	Cao Tôn	Tuyền	ĐH	KCN	5	7	2,5	5	5	X
381	228801D526	Nguyễn Thị	Tuyền	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
382	227901C312	Hà Thị	Tuyết	ĐH	KCN	8	3	3,5	5,5	5	X
383	228401T506	Phạm Thị	Tuyết	ĐH	KCN	7,5	8,5	3,5	4,5	6	X
384	227900C321	Lê Thị	Tuyết	ĐH	KCN	7,5	4	4	5,5	5,5	X
385	227900D365	Phan Thị Ánh	Tuyết	ĐH	KCN	7,5	6	2	5,5	5,5	X
386	227900D366	Vũ Thị Lệ	Tuyết	ĐH	KCN	8	5	5	4,5	5,5	X
387	217302D603	Hà Duy	Thái	ĐH	KCN	6	8	3,5	4,5	5,5	X
388	227901T307	Hà Thị	Thanh	ĐH	KCN	8	4	4,5	5,5	5,5	X
389	228901C523	Lê Thị	Thanh	ĐH	KCN	8	3,5	4	6	5,5	X

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Đạt
390	227900D368	Nguyễn Thị	Thanh	ĐH	KCN	7,5	3	2,5	6,5	5	X
391	227900D369	Bùi Bình	Thanh	ĐH	KCN	8,5	2,5	5	6	5,5	X
392	217302D604	Đỗ Văn	Thành	ĐH	KCN	6	7	5	4	5,5	X
393	227203C502	Lê Phú	Thành	ĐH	KCN	3	6	3	4,5	4	X
394	218901T612	Doãn Thu	Thảo	ĐH	KCN	7,5	8,5	2,5	6,5	6,5	X
395	228801D536	Phạm Thị	Thảo	ĐH	KCN	6,5	4	4,5	6	5,5	X
396	227900C322	Lương Thị	Thảo	ĐH	KCN	7	6	2,5	6	5,5	X
397	227900D370	Bùi Thị	Thảo	ĐH	KCN	8	1	1,5	5,5	4	X
398	227107D507	Nguyễn Thế	Thắng	ĐH	KCN	7,5	6,5	4	6	6	X
399	218107D617	Trịnh Văn	Thế	ĐH	KCN	6	6	4,5	5	5,5	X
400	217308T610	Phạm Văn	Thiên	ĐH	KCN	6	6	7	4	6	X
401	227900T303	Nguyễn Kim	Thoa	ĐH	KCN	7,5	6,5	3,5	6,5	6	X
402	218901T613	Trịnh Thị	Thu	ĐH	KCN	7,5	7	2,5	6	6	X
403	227901C313	Nguyễn Thị	Thu	ĐH	KCN	8	2	3,5	7	5	X
404	227401C318	Trịnh Thị	Thu	ĐH	KCN	7	3,5	2,5	4,5	4,5	X
405	227401D307	Vũ Thị	Thu	ĐH	KCN	6,5	2,5	2,5	4	4	X
406	228801D527	Lê Văn	Thuân	ĐH	KCN	4,5	4,5	4,5	5,5	5	X
407	217305D604	Lê Thị	Thùy	ĐH	KCN	6,5	7	8	4,5	6,5	X
408	228901C540	Dương Thị	Thùy	ĐH	KCN	8	6,5	5,5	6	6,5	X
409	227401C320	Nguyễn Thị	Thùy	ĐH	KCN	6,5	5,5	4	6	5,5	X
410	228602C005	Lê Thị	Thủy	ĐH	KCN	5,5	7	7	3	5,5	X
411	218901T809	Đoàn Thị	Thủy	ĐH	KCN	7	6,5	2	5	5	X
412	218901C805	Cầm Thị	Thủy	ĐH	KCN	6,5	1,5	2,5	5	4	X
413	228801D528	Lưu Thị Thu	Thủy	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
414	228401C515	Nguyễn Thị	Thủy	ĐH	KCN	8	4,5	1,5	4	4,5	X
415	218901T810	Mai Thị	Thúy	ĐH	KCN	6,5	5,5	3,5	5,5	5,5	X
416	227401C321	Lê Thị	Thúy	ĐH	KCN	6,5	2,5	3,5	4,5	4,5	X
417	218107D807	Lê Văn	Thương	ĐH	KCN	6	7,5	2,5	4,5	5	X
418	228901C543	Trương Thị	Thương	ĐH	KCN	6	3	5,5	6	5	X
419	227900D374	Hàn Thị	Thương	ĐH	KCN	7,5	5,5	2,5	6	5,5	X
420	227900D375	Cao Thị	Thương	ĐH	KCN	7,5	4	1	5	4,5	X
421	227900D376	Nguyễn Thị	Thương	ĐH	KCN	8	2,5	1,5	6,5	4,5	X
422	227900D390	Lê Thị	Thương	ĐH	KCN	7,5	4	3,5	6,5	5,5	X
423	228603C504	Lê Huy	Trà	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
424	227901T309	Trương Thị Bảo	Trâm	ĐH	KCN	8	6	3,5	6,5	6	X
425	217305T605	Lâm Thị	Trang	ĐH	KCN	6,5	8,5	7	4	6,5	X
426	228603C300	Đinh Thị Thanh	Trang	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
427	228603C503	Nguyễn Thị Thu	Trang	ĐH	KCN	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
428	218901C610	Mai Thị	Trang	ĐH	KCN	7	5,5	2,5	5,5	5	X
429	228801D529	Đỗ Thị Huyền	Trang	ĐH	KCN	6,5	2	3,5	5,5	4,5	X
430	227901C315	Vi Thị	Trang	ĐH	KCN	7	3,5	3,5	6	5	X
431	228901C527	Lê Thị	Trang	ĐH	KCN	8	6	2,5	5,5	5,5	X
432	228901C528	Nguyễn Thùy	Trang	ĐH	KCN	8	4	1,5	5,5	5	X
433	227401C322	Lê Thị Hương	Trang	ĐH	KCN	6,5	2	3,5	5,5	4,5	X

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Bậc học	Đối tượng	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Đạt
434	218401C806	Cao Thị Huyền	Trang	ĐH	KCN	8	4	3	5,5	5	X
435	218401D809	Lê Thị Quỳnh	Trang	ĐH	KCN	8	3,5	3	5	5	X
436	228401T507	Bùi Thị Hiền	Trang	ĐH	KCN	8,5	6,5	2,5	4	5,5	X
437	228401D510	Đỗ Thùy	Trang	ĐH	KCN	8,5	6,5	3	6	6	X
438	227900D377	Nguyễn Thị Huyền	Trang	ĐH	KCN	8	5	2,5	7	5,5	X
439	227900D378	Ngô Thị	Trang	ĐH	KCN	7,5	4	4,5	5,5	5,5	X
440	227900D379	Nguyễn Thủy	Trang	ĐH	KCN	7,5	4	4	6,5	5,5	X
441	227900D391	Lê Thị Huyền	Trang	ĐH	KCN	7,5	3,5	3	5,5	5	X
442	227900D380	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	ĐH	KCN	7,5	5	1,5	5	5	X
443	228901C531	Lê Kiều	Trinh	ĐH	KCN	8	4,5	2	5,5	5	X
444	207103C711	Nguyễn Hoàng	Trung	ĐH	KCN	7	4	7,5	3	5,5	X
445	227107C504	Lê Bảo	Trung	ĐH	KCN	6	7,5	2,5	6,5	5,5	X
446	228901C529	Bùi Thị Tố	Uyên	ĐH	KCN	8	2,5	4,5	5,5	5	X
447	218801D820	Phạm Thị Thanh	Vân	ĐH	KCN	7	8	5	6	6,5	X
448	228401C516	Hồ Tiểu	Vân	ĐH	KCN	7,5	3	4,5	4,5	5	X
449	227900D381	Phan Thị	Vân	ĐH	KCN	7	4	2	5,5	4,5	X
450	227900D383	Nguyễn Thị	Vân	ĐH	KCN	7	4	3	6	5	X
451	227900T304	Chu Khánh	Vân	ĐH	KCN	8	4	4,5	8	6	X
452	227900D382	Cao Thị	Vân	ĐH	KCN	8	3,5	2,5	6	5	X
453	227203D307	Nguyễn Đình	Vũ	ĐH	KCN	5,5	6	2,5	4,5	4,5	X
454	218402C804	Lê Văn	Vũ	ĐH	KCN	6,5	3	4,5	5	5	X
455	227900C323	Lương Thị	Xuân	ĐH	KCN	7,5	7	7,5	4,5	6,5	X
456	217801D532	Nguyễn Đăng	Xung	ĐH	KCN	6,5	2	2,5	6	4,5	X
457	227901T310	Lê Thị Cẩm	Xuyên	ĐH	KCN	8	4	3	5	5	X
458	227401C324	Nghiêm Thị	Xuyên	ĐH	KCN	6,5	1,5	2	6,5	4	X
459	227900C324	Đỗ Thị	Xuyên	ĐH	KCN	7	4,5	4,5	5,5	5,5	X
460	227900D385	Phạm Thị Ngọc	Yến	ĐH	KCN	6,5	8	4,5	7,5	6,5	X
461	227900D384	Đặng Hải	Yến	ĐH	KCN	8	3,5	4	5,5	5,5	X
462	227900D392	Hoàng Thị	Yến	ĐH	KCN	8	4	1	5,5	4,5	X

Ghi chú: CD: cao đẳng; ĐH: đại học; KCN: đối tượng không chuyên ngữ.

Ấn định danh sách này có 462 sinh viên./.



ỦY VIÊN THƯ KÝ

Nguyễn Thế Cường